

Bản án số:110/2019/HS-ST  
Ngày: 20-11-2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Nguyên và ông Nguyễn Trọng Lâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 124/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 03/TB-TAH ngày 14/11/2019 đối với các bị cáo:

1/**Cù Duy L**, sinh năm 1988 tại L Đồng (có mặt)

Nơi cư trú:Thôn 1, xã Hà L, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cù Duy Kh (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; Vợ Trần Thị Th1, sinh năm 1995, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án, ngày 22/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện ĐS xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo kháng cáo và ngày 10/01/2018 Tòa án nhân dân tỉnh DN xử y án sơ thẩm. Nhân thân: Ngày 30/7/2007 bị Tòa án huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/3/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng.

2/**Đồng Mạnh H1**, sinh năm 1989 tại Hà Nội (có mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố 4, thị trấn Mdg, huyện Đh, tỉnh L Đồng; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đồng Thế U (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1960; Vợ con chưa có. Tiền sự: Không; Tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2019 tại nhà tạm giữ Công an huyện TP, tỉnh ĐN đến nay. (Trước đây bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 19/3/2019 tại Công an Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và đến ngày 15/8/2019 bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú)

3/**Lê Anh K (tên gọi khác: X)**, sinh năm 1996 tại Đăk Nông (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: tổ dân phố 4, phường NT, thị xã GN, tỉnh DN; Chỗ ở: tổ dân phố 4, phường Nghĩa Thành, thị xã GN, tỉnh DN; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Lê Trọng H2, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1974; Vợ con chưa có. Tiền sự: Không; Tiền án: 02. Ngày 03/3/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã GN, tỉnh DN xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 10/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện ĐS, tỉnh DN xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/3/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng.

- Bị hại:

1/ Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã PTR, huyện TP, tỉnh ĐN.

2/ Ông Phạm Huy C1, sinh năm 1946(có mặt)

Địa chỉ: ấp PL 1, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN.

3/ Ông Nhữ Văn TR, sinh năm 1970(có mặt)

Địa chỉ: số nhà 86, tổ 3, khu phố Hiệp T 2, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh ĐN.

4/ Bà Trần Thị NG, sinh năm 1991(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã NT, huyện TP, tỉnh ĐN.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Long TH, sinh năm 1989(có mặt)

Địa chỉ: số 217, tổ 1, ấp 3, xã Núi Tượng, huyện TP, tỉnh ĐN.

2/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974(vắng mặt)

3/ Bà Nhữ Thị D, sinh năm 1993(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số nhà 186, tổ 3, khu phố Hiệp T 2, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh ĐN.

### **NỘI D VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Anh K (có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích) Cù Duy L (có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích) và Đồng Mạnh H1 có quan hệ là bạn bè ngoài xã hội, cả ba đối tượng không có việc làm, nên rủ nhau cùng thuê nhà trọ tại xã Phú An, huyện TP, tỉnh ĐN để ở và thống nhất cùng nhau thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện TP để bán lấy tiền sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân chung. Việc trộm cắp tài sản chỉ có 02 người tham gia, trong đó L là người phá khóa lấy trộm xe mô tô, còn K hoặc H1 có nhiệm vụ canh giới, sau khi lấy trộm được tài sản đưa về cất giấu tại khu vực nghĩa địa xã Phú An, huyện TP rồi ngày hôm sau Đồng Mạnh H1 có nhiệm vụ mang tài sản qua tỉnh Bình Phước bán cho một đối tượng tên Khánh (chưa xác định được nhân thân, lai lịch).

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/01/2019 đến ngày 01/3/2019, Cù Duy L, Đồng Mạnh H1, Lê Anh K thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 19/01/2019, Cù Duy L và Đồng Mạnh H1 điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số 60C1 – 600.83 trên quốc lộ 20 theo hướng L Đồng – Dầu Giây. Khi đi đến ấp Phú Thắng, xã Phú Trung, huyện TP, L phát hiện xe mô tô hiệu Honda loại Wave biển số 60B3 – 111.53 của anh Nguyễn Thành T để trước nhà, không có người trông coi, L dừng xe lại đưa xe cho H1 điều khiển, còn L đi bộ vào dùng đoạn bẻ khóa xe mô tô biển số 60B3 – 111.53 và chạy về cất giấu tại

nghĩa địa xã Phú An. Đến ngày 20/01/2019, L cùng H1 điều khiển xe mô tô trộm cắp được qua tỉnh Bình Phước bán cho một người thanh niên tên Khánh với số tiền 4.000.000 đồng.

Khoảng 14 giờ ngày 07/02/2019, Cù Duy L và Lê Anh K điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số 60C1 – 600.83 xuống khu vực chợ Phương L thuộc ấp Phương Mai 1, xã Phú L, huyện TP, phát hiện một xe mô tô hiệu JonWay biển số 60B4 – 719.33 của anh Nhữ Văn TR để trước sân nhà, có cắm sẵn chìa khóa trên xe. L dừng xe lại, đi bộ vào sân đất xe mô tô trên ra ngoài đường và điều khiển về cất giấu tại nghĩa địa xã Phú An. Ngày hôm sau 08/02/2019, Đồng Mạnh H1 bán xe mô tô biển số 60B4 – 719.33 cho một thanh niên (không xác định được nhân thân, lai lịch) được số tiền 13.500.000 đồng.

Khoảng 06 giờ ngày 27/02/2019, Đồng Mạnh H1 và Cù Duy L điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số 60C1 – 600.83 vào khu vực ấp Phú L 1, xã Phú Sơn thì phát hiện một xe mô tô hiệu Honda loại Wave biển số 60B3 – 324.67 của ông Phạm Huy C1 để trước nhà, không có người trông coi, H1 dừng xe lại cảnh giới còn L đi bộ vào dùng đoạn bẻ khóa và nổ máy chạy về khu vực nghĩa địa xã Phú An cất giấu. Ngày hôm sau, L và H1 điều khiển xe mô tô trộm cắp được qua tỉnh Bình Phước bán cho Khánh được số tiền 4.000.000 đồng.

Khoảng 13 giờ ngày 01/3/2019, Đồng Mạnh H1 và Cù Duy L điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển số 60C1 – 600.83 đi vào khu vực ấp 3, xã Núi Tượng để tìm kiếm xe mô tô trộm cắp. Thời điểm này, L phát hiện xe mô tô hiệu Honda loại Wave biển số 60B3 – 472.01 của anh Trần Long TH (chiếc xe này do chị Trần Thị NG - vợ anh TH sử dụng và đứng tên đăng ký) để ở trước hiên nhà, H1 dừng xe lại để cảnh giới, L đi bộ xuống dùng đoạn bẻ khóa và chạy xe mô tô về cất giấu tại nghĩa địa xã Phú An. Sáng hôm sau, L và H1 điều khiển xe mô tô biển số 60B3 – 472.01 qua tỉnh BP bán cho Khánh được số tiền 7.500.000 đồng.

Ngoài các 04 vụ trộm cắp xe mô tô xảy ra trên địa bàn huyện TP, tỉnh ĐN, Cù Duy L, Đồng Mạnh H1 và Lê Anh K còn thực hiện nhiều vụ trộm khác tại các tỉnh LĐ và DN.

*\* Tài sản thiệt hại:*

- Tại kết luận định giá tài sản số 31/KL/HĐĐGTS ngày 08/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TP xác định:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave, màu đen bạc, biển số 60B3 – 111.53 đã qua sử dụng có giá trị 7.500.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave, màu đỏ đen, biển số 60B3 – 324.67 đã qua sử dụng có giá trị 6.800.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu JonWay loại YY125T, màu trắng, biển số 60B4 – 719.33 đã qua sử dụng có giá trị 28.500.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave, màu trắng đen bạc, biển số 60B3 – 472.01 đã qua sử dụng có giá trị 10.500.000 đồng.

Theo cáo trạng số 103/CT-VKSTP-ĐN ngày 22/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP đã truy tố các bị cáo Lê Anh K, Cù Duy L, Đồng Mạnh H1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm a, b, c, g khoản 2, Điều 173; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 58 BLHS đối với Lê Anh K; điểm a, b, c, khoản 2, Điều 173; điểm g, h khoản 1,

Điều 52; Điều 58 BLHS đối với Cù Duy L; điểm a, c khoản 2, Điều 173; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 BLHS đối với Đồng Mạnh H1. Áp dụng điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS đối với các bị cáo, xử phạt bị cáo Cù Duy L từ 04 năm đến 05 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo Đồng Mạnh H1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo Lê Anh K từ 04 năm đến 05 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

Về biện pháp tư pháp: Buộc Cù Duy L giao nộp số tiền 13.500.000 đồng, Đồng Mạnh H1 giao nộp số tiền 9.500.000 đồng, Lê Anh K giao nộp số tiền 6.000.000 đồng, vì đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Cù Duy L, Đồng Mạnh H1, Lê Anh K phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại theo quy định pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lê Anh K có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, Cù Duy L có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích.

Khoảng cuối tháng 12/2018, Cù Duy L, Lê Anh K, Đồng Mạnh H1 không có việc làm, sau khi ra tù thì L cùng K đến huyện Đạ Huoai gặp H1 tập hợp cùng nhau thuê nhà trọ tại xã Phú An, huyện TP để ở và thống nhất cùng nhau thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện TP bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân chung, lấy việc trộm cắp tài sản làm nguồn thu nhập chính. Do trước đây các bị cáo đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp khác tại các tỉnh L Đồng, Đắk Nông nên quá trình trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện TP thì các bị cáo cũng áp dụng các phương thức thủ đoạn giống như trước đây. Từ ngày 19/01/2019 đến ngày 01/3/2019 tại địa bàn các xã Phú Trung, Phú L, Phú Sơn, Núi Tượng, huyện TP, tỉnh ĐN, Cù Duy L, Đồng Mạnh H1, Lê Anh K có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 60B3 – 111.53 của anh Nguyễn Thành T trị giá 7.500.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 60B4 – 719.33 của ông Nhữ Văn TR trị giá 28.500.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 60B3 – 324.67 của ông Phạm Huy C1 trị giá 6.800.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 60B3 – 472.01 của bà Trần Thị NG, ông Trần Long TH trị giá 10.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 53.300.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, Cù Duy L tham gia với vai trò là người khởi xướng, cầm đầu và là người thực hành tích cực, Đồng Mạnh H1 và Lê Anh K tham gia với vai trò là người giúp sức.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Cù Duy L có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Đồng thời bị cáo 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc TR hợp tái phạm, được quy định tại điểm g, h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo K không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo H1 có 01 tình tiết tăng nặng đó là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 BLHS.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thể hiện rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Được quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức thể hiện các bị cáo có quen biết nhau khi ở trong tù, sau khi ra tù thì các bị cáo đã rủ nhau cùng tập hợp thuê nhà trọ ở xã Phú An, huyện TP và thống nhất tiếp tục hoạt động trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện TP. Các bị cáo lập kế hoạch là sẽ đi trộm cắp xe nếu thấy chủ sở hữu có sơ hở, việc trộm cắp sẽ do 02 người thực hiện, người chở sẽ là người đứng ngoài cảnh giới, người ngồi sau sẽ là người phá khóa lấy xe. Nhà trọ thuê để ở và cất giấu phương tiện công cụ phạm tội, số tiền phạm tội sẽ được chia đều cho hai người tham gia. Để đánh giá tính chất vai trò của từng bị cáo nhằm cá thể hóa hình phạt như sau:

Bị cáo Cù Duy L là người khởi xướng, cầm đầu và là người thực hành tích cực. Bị cáo là người có nhân thân xấu, không có nghề nghiệp nên đã lấy tài sản trộm cắp làm nguồn thu nhập chính để sống, bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, trong thời gian ngắn L lại tiếp tục thực hiện 04 vụ trộm cắp có tổng giá trị tài sản là 53.300.000đ nên L phải bị áp dụng 03 tình tiết định khung hình phạt là phạm tội có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, chiếm đoạt tài sản có giá trị là 53.300.000đ, được quy định tại điểm a, b, c khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy mức án của L phải cao nhất.

Bị cáo Lê Anh K tuy chỉ tham gia thực hiện cùng L 01 vụ trộm cắp, tuy nhiên K tham gia với vai trò là người giúp sức đứng cảnh giới cho L. Bị cáo là người có 02 tiền án về tội trộm cắp chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm. Do bị cáo là người cùng nằm trong nhóm tập hợp những người chuyên phạm tội và thực hiện hành vi theo kế hoạch đã thống nhất trước đây nên bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung là phạm tội có tổ chức. Được quy định tại điểm a, g khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự nên mức án của K thấp hơn L nhưng cao hơn H1. Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo chỉ tham gia trộm cắp 01 vụ với giá trị tài sản là 28.500.000đ và 03 vụ còn lại bị cáo không tham gia, mặc dù bị cáo lấy tài sản trộm cắp làm nguồn thu nhập chính để sống tuy nhiên theo quy định tại điểm a, b tiểu mục 5.1 mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 thì chưa đủ điều kiện để áp dụng tình tiết định khung hình phạt là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nên Tòa án không áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 173 đối với K như Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị cáo H1 là người chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, tuy nhiên bị cáo là người đã đứng ra thuê nhà trọ để cùng với L, K thống nhất thực hiện hành vi trộm cắp tài sản theo kế hoạch đã đề ra trước đây nên bị cáo phải chịu tình tiết định

khung là phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 173 BLHS. Bị cáo đã tham gia với vai trò là người giúp sức đứng cảnh giới cho L thực hiện hành vi trộm cắp 03 vụ, đồng thời H1 có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên. Vì vậy mức án của H1 thấp hơn so với L và K. Bị cáo chỉ tham gia 03 vụ với tổng số tiền là 24.800.000đ, mặc dù bị cáo lấy trộm cắp tài sản làm nguồn thu nhập chính để sống tuy nhiên theo quy định tại điểm a, b tiểu mục 5.1 mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 thì chưa đủ điều kiện để áp dụng tình tiết định khung hình phạt là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nên Tòa án không áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 173 đối với H1 như Viện kiểm sát đã truy tố.

Từ những cơ sở như trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng cho các bị cáo 01 mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên, do các bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ như trên nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Cù Duy L và bị cáo Đồng Mạnh H1 phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Thanh T số tiền là 7.500.000đ, chia phần cụ thể L bồi thường 3.750.000đ, H1 bồi thường 3.750.000đ.

Buộc bị cáo Cù Duy L và bị cáo Đồng Mạnh H1 phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Phạm Huy C1 số tiền là 6.800.000đ, chia phần cụ thể L bồi thường 3.400.000đ, H1 bồi thường 3.400.000đ.

Buộc bị cáo Cù Duy L và bị cáo Đồng Mạnh H1 phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Trần Thị NG và ông Trần Long TH số tiền là 10.500.000đ, chia phần cụ thể L bồi thường 5.250.000đ, H1 bồi thường 5.250.000đ.

Buộc bị cáo Cù Duy L và bị cáo Lê Anh K phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nhữ Văn TR số tiền là 28.500.000đ, chia phần cụ thể L bồi thường 14.250.000đ, K bồi thường 14.250.000đ.

Tài sản trộm cắp các bị cáo đã bán, không thu hồi được nên các bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo giá trị tài sản đã được định giá mà không phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Về vật chứng vụ án: Xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter 150 biển số 60C1 – 600.83 và các công cụ để phá khóa xe mô tô mà Cù Duy L, Đồng Mạnh H1, Lê Anh K sử dụng để trộm cắp tài sản đã bị cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bảo Lộc, tỉnh L Đồng thu giữ.

Đối với đối tượng tên Khánh: quá trình điều tra, xác minh chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch nên chưa xử lý. Khi nào làm rõ được xử lý sau.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo L phải nộp 1.332.500đ án phí dân sự, bị cáo H1 phải nộp 620.000đ án phí dân sự, bị cáo K phải nộp 712.500đ án phí dân sự.

[8] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp 01 phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điểm a, b, c khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g, h, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Cù Duy L. Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự.

- Điểm a, g khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Lê Anh K.

- Điểm a, khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Đồng Mạnh H1.

- Khoản 2, Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Cù Duy L, Lê Anh K (tên gọi khác: Xê), Đồng Mạnh H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1 Xử phạt bị cáo Cù Duy L 04(bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

1.2 Xử phạt bị cáo Lê Anh K 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

1.3 Xử phạt bị cáo Đồng Mạnh H1 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2019(được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 19/3/2019 đến ngày 15/8/2019).

Áp dụng: Điều 48 BLHS; Các Điều 468, 584, 587, 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Cù Duy L và bị cáo Đồng Mạnh H1 phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Thanh T số tiền là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), chia phần cụ thể L bồi thường 3.750.000đ, H1 bồi thường 3.750.000đ.

Buộc bị cáo Cù Duy L và bị cáo Đồng Mạnh H1 phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Phạm Huy C1 số tiền là 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng), chia phần cụ thể L bồi thường 3.400.000đ, H1 bồi thường 3.400.000đ.

Buộc bị cáo Cù Duy L và bị cáo Đồng Mạnh H1 phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Trần Thị NG và ông Trần Long TH số tiền là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng), chia phần cụ thể L bồi thường 5.250.000đ, H1 bồi thường 5.250.000đ.

Buộc bị cáo Cù Duy L và bị cáo Lê Anh K phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nhữ Văn TR số tiền là 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), chia phần cụ thể L bồi thường 14.250.000đ, K bồi thường 14.250.000đ.

*Kể từ ngày có đơn yêu C1 thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải bồi thường cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

3. Về án phí: Bị cáo L phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.332.500đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng: 1.532.500đ(một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Bị cáo H1 phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 620.000đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng: 820.000đ(tám trăm hai chục nghìn đồng).

Bị cáo K phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 712.500đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng: 912.500đ (chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo L, K, H1 và bị hại ông C1, ông TR và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông TH biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T, bà NG, bà Th, bà D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh ĐN;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TP;
- Công an huyện TP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP;
- Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Lan**



